

Bản án số: 10/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 27-3-2019

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Bích Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Viết Côi** và Ông **Nguyễn Hạ Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Khuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 2 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T** – sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 69, đường T1, tổ 12, phường T2, TP. T3, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Văn N** – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã P, huyện Ứ, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Phạm Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh N qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P năm 2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung; bản thân anh N thì không hề có trách nhiệm với gia đình; không tu chí làm ăn thường xuyên chơi bời cờ bạc; đi thông ngày đêm và dẫn đến nợ nần. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, đã cố gắng trả nợ cho anh cũng như cố gắng nhẫn nhịn để mong vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì anh N

càng chơi bời và nợ nần càng nhiều hơn. Mặc dù chị đã sống ly thân, xong anh N vay nợ tín dụng đen nên họ thường xuyên tìm đến chỗ ở, chỗ làm của chị uy hiếp, hăm dọa làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị. Mặc dù hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo quá nhiều; chị cũng đã cố gắng vun vén nhưng đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên chị cương quyết xin ly hôn anh N. Về con chung: chị và anh N có 01 con chung là Đỗ Phạm Quỳnh A – sinh ngày 13/12/2013. Hiện cháu còn nhỏ và là con gái hơn nữa từ khi sinh cháu một mình chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được quyền nuôi cháu Quỳnh A và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Về tài sản và công nợ chung, chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Anh Đỗ Văn N là bị đơn không có quan điểm, ý kiến gì.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Đỗ Văn N vắng mặt, chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn N. Về con chung: giao chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Phạm Quỳnh A – sinh ngày 13/12/2013. Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Đỗ Văn N đến tòa án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N không có mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên tòa ngày 05/3/2019 nhưng do sự vắng mặt của anh N nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh N vẫn vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 12/4/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau; anh N thường xuyên chơi cờ bạc, nợ nần. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị T và anh N liên tục xảy ra xích mích, cãi nhau nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh N chơi cờ bạc, nợ tiền nên bị mọi người tìm đến đòi nợ, không tu chí làm ăn. Nay chị T có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ theo quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các bên giải quyết cho chị T được ly hôn anh N; về con chung thì giao cho chị T tiếp tục được nuôi con vì cháu còn nhỏ.

Xét thấy cuộc sống giữa chị T và anh N mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn N có 01 con chung là Đỗ Phạm Quỳnh A – sinh ngày 13/12/2013. Chị T có quan điểm xin được nuôi cháu Quỳnh A và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con; anh N thì không có ý kiến, quan điểm.

Xét thấy, chị T có nguyện vọng nuôi con; anh N không có quan điểm. Bản thân chị T có chỗ ở và công việc ổn định; cháu Quỳnh A còn nhỏ, là cháu gái và hiện tại đang ở với chị T nên giao chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quỳnh A là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi có thay đổi khác; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, sau này chị T, anh N có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Phạm Thị T được quyền ly hôn anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Phạm Quỳnh A – sinh ngày 13/12/2013; Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đỗ Văn N cho đến khi có thay đổi khác. Anh Đỗ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Giành quyền khởi kiện cho chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn N bằng một vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008928 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hoàng Thị Bích Hằng